

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 - 6
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 15
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	16 - 17
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	18 - 57

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”)

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã 17 lần được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh về việc tăng vốn điều lệ và thành lập thêm các công ty thành viên.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
 Điện thoại : 0243 772 4466
 Fax : 0243 772 4460
 Mã số thuế : 0100774631

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc

	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hồ Chí Minh	Số 18 Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP Hồ Chí Minh
2	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà Nẵng	Tầng 5 tòa nhà Bưu điện Đà Nẵng, 271 Phạm Văn Linh, P.Vĩnh Trung – Q.Thanh Khê – TP.Đà Nẵng
3	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	Tòa nhà số 2 Lô 28A Lê Hồng Phong, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
4	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cần Thơ	Số 40, đường Võ Văn Kiệt, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
5	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Trung bộ	16 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
6	Công ty Bảo hiểm Bưu điện khu vực Phía Bắc	Đường Nguyễn Tất Thành, Trưng Vương, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
7	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Nai	Số R64, R65 Võ Thị Sáu nối dài, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
8	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nguyên	27 Trần Khánh Dư, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
9	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Trung bộ	Số 2 Đường Lê Thành Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
10	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cà Mau	Số 3 Lư Tấn Tài, Phường 5, Thành phố Cà Mau
11	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định	Tầng 4 số 2 Trần Thị Kỳ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
12	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Dương	Số 150 đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
13	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Quảng Ninh	Số 164 Lê Thánh Tông, P.Bạch Đằng, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
14 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thanh Hóa	Tầng 5, Số 11 Hạc Thành, Phường Điện Phủ, TP.Thanh Hoá
15 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thừa Thiên Huế	Tầng 2, toà nhà 51 Hai Bà Trưng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
16 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long	Tòa nhà Hoa Đăng, số 290 Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
17 Công ty Bảo hiểm Bưu điện An Giang	Số 5/2 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
18 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Long An	Số 37-39 đường số 5 – P.6, TP.Tân An, tỉnh Long An
19 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vĩnh Phúc	Số 2, Đường Ngô Quyền, Thị xã Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
20 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sài Gòn	Phòng 2-3, tầng 3, tòa nhà Dali tower, 24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
21 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Ninh	16 Đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
22 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lào Cai	Số 121 Đường Thanh Niên, P Duyên hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
23 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Nam Sông Hồng	Số 08, Đường Lê Đại Hành, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.
24 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bến Thành	Số 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3 TP.Hồ Chí Minh
25 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Nội	Tầng 2 – tòa nhà báo Tài nguyên và môi trường, lô E2 khu đô thị mới Cầu Giấy, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
26 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Hưng	Số 106 Hồng Quang, P.Quang Trung, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương
27 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tiền Giang	Số 59, đường 30/4, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
28 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thủ Đô	Tầng 5,6 Tòa nhà 95B Khu Lao động Thịnh Hào, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống đa, Hà Nội
29 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Bình Trị Thiên	Số 146, đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
30 Văn phòng đại diện Tổng Công ty Khu vực phía Nam	Lầu 4, 18 Đinh Tiên Hoàng, P.Đa Kao, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
31 Công ty Bảo hiểm Bưu Điện Thống Nhất	Lầu 3, 170 Bùi Thị Xuân, P.Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
32 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Phú Mỹ Hưng	Lầu 7 Tòa nhà Loyal, 151-151 Bis Võ Thị Sáu, P.6, Q.3, TP.Hồ chí Minh
33 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vũng Tàu	Số 408 Lê Hồng Phong, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
34 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Nguyên	Tầng 2, tòa nhà 09 tầng, phố Tô Ngọc Vân, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, P.Đồng Quang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
35 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Gia Lai	Số 69 Hùng Vương, Phường Tây Sơn, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

	Tên đơn vị	Địa chỉ
36	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Thành	Tầng 5, Tòa nhà Lạc Hồng, 85 Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội
37	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định	Tầng 3 tòa nhà ACB – chi nhánh Nam Định, số 67 Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định
38	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Đăng	Tầng 2 tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
39	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tràng An	Tầng 6, tòa nhà 434 Trần Khát Chân, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
40	Công ty Bảo Hiểm Bưu điện Tây Bắc	Bưu cục Bắc Trần Hưng Đạo, xóm 12, Xã Sủ Ngòi, Thành phố Hoà Bình, Hòa Bình
41	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Âu Lạc	Căn số 2, N7B Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
42	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sóc Trăng	Số 1, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Ông Kim, Kang Wook	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Xuân Dũng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Thị Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Park, Je Kwang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Xuân Thu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Bà Bùi Thanh Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Ki, Hyun Park	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bae, Taeg Soo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Bùi Xuân Thu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Huỳnh Việt Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017
Ông Nghiêm Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017
Bà Lưu Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017
Ông Cao Bá Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2017

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Xuân Thu - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Lãnh đạo phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Bùi Xuân Thu
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

02
AN
TY
HI
C
VA
11



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0935/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2017, từ trang 9 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Hoàng Đức

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.102.942.325.730	3.473.370.523.435
	(100=110+120+130+140+150+190)				
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	92.798.641.648	77.133.874.904
1.	Tiền	111		92.773.641.648	76.018.874.904
2.	Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000	1.115.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.375.474.443.263	1.982.137.660.115
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	187.464.954.589	144.941.150.633
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1.104.629.326)	(263.490.518)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2.189.114.118.000	1.837.460.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		793.210.579.835	694.291.737.291
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	444.839.058.697	438.061.327.690
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		413.800.749.899	412.386.360.544
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		31.038.308.798	25.674.967.146
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	161.991.453.839	129.056.236.255
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	250.282.444.047	187.801.513.376
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(63.902.376.748)	(60.627.340.030)
IV.	Hàng tồn kho	140		9.039.436.150	11.323.211.198
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	9.039.436.150	11.323.211.198
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		172.144.711.169	159.743.468.236
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	161.229.087.181	152.346.715.012
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		160.021.050.430	151.907.547.345
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1.208.036.751	439.167.667
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.746.422.457	5.966.250.049
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	4.169.201.531	1.430.503.175
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
VIII.	Tài sản tái bảo hiểm	190		660.274.513.665	548.740.571.691
1.	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	V.21c	399.491.972.047	331.811.783.188
2.	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	V.21c	260.782.541.618	216.928.788.503

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.024.297.482.894	1.467.815.257.575
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		17.754.143.083	16.803.131.818
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		17.754.143.083	16.803.131.818
6.1	<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	216.1		10.280.000.000	10.280.000.000
6.2	<i>Phải thu dài hạn khác</i>	216.2		7.474.143.083	6.523.131.818
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		74.325.852.023	75.935.069.042
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	67.740.209.156	69.604.129.609
	<i>Nguyên giá</i>	222		148.470.127.710	144.672.197.526
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(80.729.918.554)	(75.068.067.917)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.585.642.867	6.330.939.433
	<i>Nguyên giá</i>	228		11.745.165.367	11.115.535.367
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.159.522.500)	(4.784.595.934)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.12	111.452.728.321	110.514.416.982
	<i>Nguyên giá</i>	231		115.186.930.524	112.838.923.737
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(3.734.202.203)	(2.324.506.755)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.13	26.127.418.137	53.110.474.055
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		26.127.418.137	53.110.474.055
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		774.085.512.655	1.186.848.536.029
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	131.673.357.704	126.497.109.065
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	221.548.440.785	235.458.566.400
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2e	(58.036.214.742)	(28.386.511.018)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	478.899.928.908	853.279.371.582
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		20.551.828.675	24.603.629.649
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	18.313.377.622	22.216.392.596
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		56.248.601	56.248.601
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		2.182.202.452	2.330.988.452
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.127.239.808.624	4.941.185.781.010

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.326.694.483.795	3.091.928.594.676
I. Nợ ngắn hạn	310		3.317.768.219.344	3.087.408.667.730
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	325.469.832.070	240.710.876.338
1.1 <i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	311.1		299.042.141.739	209.943.147.515
1.2 <i>Phải trả khác cho người bán</i>	311.2		26.427.690.331	30.767.728.823
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	29.705.385.983	25.806.459.846
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	19.910.564.001	26.069.416.789
4. Phải trả người lao động	314		29.130.674.851	53.535.799.515
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		53.617.436	301.382.436
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318.1	V.17	63.550.387.900	92.486.150.536
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	318.2	V.18	103.033.493.535	94.850.311.274
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	103.628.791.252	70.531.776.250
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	158.777.739.797	71.702.889.871
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		219.068.001	131.574.365
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		50.731.184.210	-
15. Dự phòng nghiệp vụ	329	V.21	2.433.557.480.308	2.411.282.030.510
15.1 <i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	329.1		1.603.258.860.731	1.585.666.973.133
15.2 <i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	329.2		772.900.282.774	778.982.126.930
15.3 <i>Dự phòng dao động lớn</i>	329.3		57.398.336.803	46.632.930.447
II. Nợ dài hạn	330		8.926.264.451	4.519.926.946
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		3.570.456.136	1.030.456.136
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		5.037.119.874	3.005.779.741
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		318.688.441	483.691.069
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.800.545.324.829	1.849.257.186.334
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.800.545.324.829	1.849.257.186.334
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		803.957.090.000	803.957.090.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		803.957.090.000	803.957.090.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		827.943.052.804	827.943.052.804
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.059.046.903	19.773.444.835
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		41.540.743.782	41.540.743.782
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104.982.153.543	154.994.146.755
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		53.018.068.101	154.994.146.755
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		51.964.085.442	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.063.237.797	1.048.708.158
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.127.239.808.624	4.941.185.781.010

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		193.603.050.181	241.134.334.187
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		296.356,09	160.241,25
Euro (EUR)		26.068,11	28.921,27
Bảng Anh (£)		344,53	347,83

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền



Tổng Giám đốc

Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		1.286.627.117.079	1.124.469.281.015
1.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2	VI.4	55.373.859.001	46.922.847.717
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	VI.5	9.563.298.945	1.425.981.600
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.10	119.835.532.956	114.813.920.393
4. Thu nhập khác	13		526.141.200	380.281.478
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		1.032.308.621.653	892.303.296.599
5.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	20.2	VI.8	49.268.507.189	41.743.096.221
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.9	6.377.898.495	840.411.801
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.11	51.520.688.485	26.135.817.101
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		854.484.291	1.110.079.893
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	VI.12	275.185.260.646	233.922.255.445
9. Chi phí khác	24		591.391.664	572.622.237
10.1 Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	50.1		5.431.431.328	1.906.897.816
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50.2=10.1+10.2+11+12+13-20.1-20.2-21-22-23.1-23.2-24+50.1)	50.2		61.250.528.086	93.291.630.722
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9.412.751.492	18.312.133.666
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(165.002.628)	(275.809.535)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>52.002.779.222</u>	<u>75.255.306.591</u>
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	60.1		51.964.085.442	75.207.843.777
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.2		38.693.780	47.462.814
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	<u>626</u>	<u>904</u>
15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.13	<u>626</u>	<u>904</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	01	VI.1	1.532.992.853.165	1.334.564.078.811
Trong đó				
- Phí Bảo hiểm gốc	01.1		1.496.163.212.143	1.470.497.468.245
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		54.421.528.620	44.553.118.618
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		17.591.887.598	180.486.508.052
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	02	VI.2	406.363.916.303	321.626.397.238
Trong đó				
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		474.044.105.162	338.614.007.816
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		67.680.188.859	16.987.610.578
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		1.126.628.936.862	1.012.937.681.573
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác (04 = 04.1 + 04.2)	04		159.998.180.217	111.531.599.442
Trong đó				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	VI.3	118.334.046.958	111.390.463.793
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		41.664.133.259	141.135.649
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10.1		1.286.627.117.079	1.124.469.281.015
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2	VI.4	55.373.859.001	46.922.847.717
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11		828.502.809.184	513.458.066.926
Trong đó				
- Tổng chi bồi thường	11.1		833.554.332.840	516.300.769.193
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		5.051.523.656	2.842.702.267
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		168.811.079.466	105.385.987.180
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và	13		(6.081.844.157)	101.530.087.072
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		43.853.753.114	(821.321.726)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	VI.6	609.756.132.447	510.423.488.544
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		10.765.406.356	11.764.365.790
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	VI.7	411.787.082.850	370.115.442.265
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		134.147.263.029	119.484.930.502
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		277.639.819.821	250.630.511.763
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18.1 = 15 + 16 + 17)	18.1		1.032.308.621.653	892.303.296.599
13.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2	VI.8	49.268.507.189	41.743.096.221

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19.1 = 10.1 - 18.1)	19.1		254.318.495.426	232.165.984.416
14.2 Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác (19.2 = 10.2 - 18.2)	19.2		6.105.351.812	5.179.751.496
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20	VI.5	9.563.298.945	1.425.981.600
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.9	6.377.898.495	840.411.801
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22= 20 -21)	22		3.185.400.450	585.569.799
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.10	119.835.532.956	114.813.920.393
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.11	51.520.688.485	26.135.817.101
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 -24)	25		68.314.844.471	88.678.103.292
21.1 Chi phí bán hàng	26.1		854.484.291	1.110.079.893
21.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	VI.12	275.185.260.646	233.922.255.445
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 19.1 + 19.1 + 22 + 25 - 26.1 - 26.2)	30		55.884.347.222	91.577.073.665
23. Thu nhập khác	31		526.141.200	380.281.478
24. Chi phí khác	32		591.391.664	572.622.237
25.1 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(65.250.464)	(192.340.759)
25.2 Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	41		5.431.431.328	1.906.897.816
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40 + 41)	50		61.250.528.086	93.291.630.722
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		9.412.751.492	18.312.133.666
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(165.002.628)	(275.809.535)
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>52.002.779.222</u>	<u>75.255.306.591</u>
29.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61.1		51.964.085.442	75.207.843.777
29.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61.2		38.693.780	47.462.814
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	<u>626</u>	<u>904</u>
31. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.13	<u>626</u>	<u>904</u>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	61.250.528.086	93.291.630.722
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	7.860.691.719	6.952.592.607
- Các khoản dự phòng	03	(55.492.612.926)	287.118.919.860
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(76.893.765.877)	(86.147.933.865)
- Chi phí lãi vay	06	2.454.814.052	43.147.281
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(60.820.344.946)	301.258.356.605
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(59.359.164.073)	(46.333.737.327)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.283.775.048	(481.173.061)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	38.286.790.599	(58.576.921.163)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.979.357.195)	(7.325.263.682)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(42.523.803.956)	40.720.608.536
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.454.814.052)	(43.147.281)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.029.044.039)	(13.129.185.096)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	48.000.000	79.700.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(149.506.364)	(110.565.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(136.697.468.978)	216.058.672.259
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7.827.976.474)	(25.497.703.195)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	31.090.776.502	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(390.829.818.000)	(376.263.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	413.555.142.674	92.862.435.621
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(189.874.385)	(108.631.686.400)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	16.500.000.000	750.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.464.159.588	56.568.805.478
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	80.762.409.905	(360.211.148.496)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	427.941.284.940	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(288.103.910.671)	(2.029.800.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(68.237.548.452)	(2.135.178.867)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>71.599.825.817</i>	<i>(4.164.978.867)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	15.664.766.744	(148.317.455.104)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	77.133.874.904	308.443.852.767
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	92.798.641.648	160.126.397.663

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
PTI
BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Số 26 đường Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Bán xăng dầu	93,63%	93,63%	93,63%	93,63%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 26 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cho thuê bất động sản và cung cấp thiết bị tin học, truyền thông	98,67%	98,33%	98,67%	98,33%

5c. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu Đô Thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	49,00%	95,32%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 Tập đoàn có 1.887 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.810 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chủ yếu là chi phí hoa hồng chưa phân bổ, Tiền thuê văn phòng, Công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ trong 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ trong 1 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	5 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 04 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	20 - 50

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa được phân bổ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp	x	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	x	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại	x	Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại
		Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp		Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước		Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính trước		

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong kỳ kế toán. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chi tiêu “Người mua trả tiền trước” trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Chi phí hoạt động đầu tư

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong kỳ.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

15-
NHÀ
NG
HIỆM
AN V
&
AI HÀ
ĐA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	13.058.471.505	12.943.954.140
Tiền gửi ngân hàng	73.485.076.143	62.222.370.764
Tiền đang chuyển	6.230.094.000	852.550.000
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	25.000.000	1.115.000.000
Cộng	92.798.641.648	77.133.874.904

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Chứng khoán niêm yết</i>	133.885.341.089	143.446.861.600	1.104.629.326	72.892.737.133	108.459.555.000	263.490.518
VNR				14.261.500.905	41.340.000.000	
PGI				2.417.542.864	4.253.418.000	
FCN				2.056.868.640	2.005.500.000	51.368.640
MBB				6.804.522.905	9.898.000.000	
HUT				9.972.730.600	11.116.940.000	
SBA				2.180.863.928	2.669.747.000	
CHP				1.245.918.624	1.248.210.000	
DHG				3.961.362.641	4.097.380.000	
VKC				3.740.180.228	3.630.400.000	109.780.228
VSH				618.942.416	646.195.000	
SDI				612.827.865	654.780.000	
TCO	9.059.105.656	10.679.310.000		9.059.105.656	10.294.470.000	
VNE	6.169.268.690	6.261.495.000		2.101.296.996	2.722.590.000	
VTV	3.455.324.454	4.513.500.000		1.085.951.200	1.083.500.000	2.451.200
FPT	4.159.238.394	5.125.390.000		2.604.901.500	2.640.000.000	
BLI	2.075.891.275	2.262.920.000		940.648.860	962.523.000	
HDG	951.980.135	1.257.300.000		3.103.326.952	3.121.011.000	
HAH	1.317.492.632	1.229.600.000	87.892.632	993.182.903	1.043.720.000	
VGG	6.948.026.895	6.954.000.000		5.131.061.450	5.031.171.000	99.890.450
CTD	3.385.131.915	3.572.250.000				
CTG	572.696.943	607.500.000				
BFC	3.902.145.930	3.947.065.000				
CEO	2.198.951.000	2.185.000.000	13.951.000			
CTS	2.518.525.200	2.520.000.000				
HPG	10.487.674.381	11.200.000.000				
DHA	927.847.186	972.760.000				
GAS	5.419.759.750	5.538.500.000				
MCH	874.854.675	830.200.000	44.654.675			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
GMD	4.628.078.721	4.670.230.000				
NTC	6.086.800.544	5.625.000.000	461.800.544			
GSM	6.620.956.560	6.674.000.000				
PNJ	9.214.268.893	12.933.690.000				
PVS	4.116.957.350	3.948.000.000	168.957.350			
HAG	6.056.648.311	6.536.649.600				
HNG	5.217.970.478	5.280.400.000				
SD3	4.367.284.915	4.058.600.000	308.684.915			
MIG	753.268.210	734.580.000	18.688.210			
NLG	7.752.566.926	8.461.422.000				
PHR	6.331.807.480	6.386.700.000				
SAM	2.231.485.050	2.320.500.000				
SHB	4.119.504.000	4.180.000.000				
VIT	1.963.828.540	1.980.300.000				
Chứng khoán chưa niêm yết	53.579.613.500			72.048.413.500		
DP2	1.908.413.500			1.908.413.500		
TCB				70.140.000.000		
Trái phiếu Chính phủ	51.671.200.000					
Cộng	187.464.954.589		1.104.629.326	144.941.150.633		263.490.518

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	2.189.114.118.000	2.189.114.118.000	1.837.460.000.000	1.837.460.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.132.279.818.000	2.132.279.818.000	1.823.260.000.000	1.823.260.000.000
Trái phiếu Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	50.000.000.000	50.000.000.000		
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	6.834.300.000	6.834.300.000	14.200.000.000	14.200.000.000
Dài hạn	478.899.928.908	451.008.622.444	853.279.371.582	829.388.065.118
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	220.983.000.000	220.983.000.000	611.920.000.000	611.920.000.000
Đầu tư trái phiếu	130.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Công ty Cổ phần Tasco	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ủy thác đầu tư dài hạn	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Ủy thác đầu tư dài hạn	127.916.928.908	100.025.622.444	111.359.371.582	87.468.065.118
Cộng	2.668.014.046.908	2.640.122.740.444	2.690.739.371.582	2.666.848.065.118

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Tập đoàn sử dụng khoản tiền gửi mở tại 03 tổ chức tín dụng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, giá trị 243.000.000.000 VND để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (xem thuyết minh số V.20)

2c. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ⁽¹⁾	88.200.000.000	4.588.820.777	92.788.820.777	88.200.000.000	806.518.637	89.006.518.637
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ⁽²⁾	20.152.200.000	5.823.583.377	25.975.783.377	20.152.200.000	4.210.662.849	24.362.862.849
Công ty Cổ phần Kasati ⁽³⁾	14.292.700.000	(1.383.946.450)	12.908.753.550	14.292.700.000	(1.164.972.421)	13.127.727.579
Cộng	122.644.900.000	9.028.457.704	131.673.357.704	122.644.900.000	3.852.209.065	126.497.109.065

⁽¹⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103027478 ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện 88.200.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ.

⁽²⁾ Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 347/BKH-ĐTRNN-ĐC3 ngày 30 tháng 9 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang 850.000 USD, tương đương 42,5% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số vốn Tổng Công ty đã góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang là 20.152.200.000 VND (tương đương 1.000.000.000 USD), chiếm 50% vốn điều lệ.

⁽³⁾ Tổng Công ty đã mua 638.090 cổ phần của Công ty Cổ phần Kasati tương đương 21,3 % vốn điều lệ với giá mua là 14.292.700.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty nắm giữ 638.090, chiếm 21,3% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kasati.

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức chia trong kỳ	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(1)	89.006.518.637	3.782.302.140			92.788.820.777
(2)	24.362.862.849	1.763.325.528		(150.405.000)	25.975.783.377
(3)	13.127.727.579	779.129.660	(893.326.000)	(104.777.689)	12.908.753.550
Cộng	126.497.109.065	6.324.757.328	(893.326.000)	(255.182.689)	131.673.357.704

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty liên kết

Trong kỳ, Tập đoàn chỉ phát sinh với Công ty Cổ phần Kasati là công ty liên kết, bao gồm nhận cổ tức 893.326.000 VND và nhận lại tiền hợp tác kinh doanh 3.462.000.000 VND (trong đó, gốc 3.010.000.000 VND và lãi 452.000.000 VND).

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Ut Xi	15.000.000.000	8.880.000.000	15.000.000.000	1.919.228.563
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2.940.000.000	10.253.558	2.940.000.000	1.332.110.756
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	17.080.000.000		17.080.000.000	
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5.800.000.000		5.800.000.000	
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	14.900.000.000	1.243.865.235	14.900.000.000	1.243.865.235
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000		625.000.000	
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương	56.400.000.000		70.500.000.000	
Công ty Cổ phần 36	64.280.812.685	20.010.789.485	64.090.938.300	
Công ty Cổ phần cấp nước Vĩnh Long	44.522.628.100		44.522.628.100	
Cộng	221.548.440.785	30.144.908.278	235.458.566.400	4.495.204.554

2e. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	27.891.306.464	23.891.306.464
Dự phòng Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.144.908.278	4.495.204.554
Cộng	58.036.214.742	28.386.511.018

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	28.386.511.018	42.229.009.695
Trích lập dự phòng bổ sung	30.971.560.922	1.919.228.563
Hoàn nhập dự phòng	(1.321.857.198)	
Số cuối kỳ	58.036.214.742	44.148.238.258

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	278.577.129.779	307.954.754.006
Phải thu về tái bảo hiểm	135.223.620.120	104.431.606.538
Phải thu khác của khách hàng	31.038.308.798	25.674.967.146
Cộng	444.839.058.697	438.061.327.690

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	116.729.306.265	103.847.876.589
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	22.677.473.661	11.179.790.673
Trả trước cho nhà cung cấp khác	22.584.673.913	14.028.568.993
Cộng	<u>161.991.453.839</u>	<u>129.056.236.255</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	157.928.423.349	110.937.614.759
Phải thu lại tiền bồi thường đã thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do tòa án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5.614.181.754	5.614.181.754
Các khoản phải thu khác	45.884.061.241	51.797.412.276
Tạm ứng	35.810.998.383	16.294.397.432
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.044.779.320	3.157.907.155
Cộng	<u>250.282.444.047</u>	<u>187.801.513.376</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	63.902.376.748	60.627.340.030
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	1.947.458.454	1.505.479.741
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	4.223.035.121	4.448.827.141
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.867.627.350	4.768.523.097
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	51.864.255.823	49.904.510.051
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi		
Cộng	<u>63.902.376.748</u>	<u>60.627.340.030</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	60.627.340.030	70.411.240.603
Trích lập dự phòng bổ sung	3.275.036.718	9.285.010.903
Hoàn nhập dự phòng		(2.345.702.792)
Số cuối kỳ	<u>63.902.376.748</u>	<u>77.350.548.714</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	7.597.241.290	8.909.932.261
Công cụ, dụng cụ	534.195.914	439.673.263
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.272.053	15.272.053
Hàng hóa	892.726.893	1.958.333.621
Cộng	<u>9.039.436.150</u>	<u>11.323.211.198</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	160.021.050.430	151.907.547.345
Chi phí khác	1.208.036.751	439.167.667
Cộng	<u>161.229.087.181</u>	<u>152.346.715.012</u>

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	151.907.547.345	121.468.560.031
Số phát sinh trong kỳ	142.260.766.114	124.696.661.961
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	(134.147.263.029)	(119.484.930.502)
Số dư cuối kỳ	<u>160.021.050.430</u>	<u>126.680.291.490</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	1.865.232.827	3.420.932.658
Chi phí thuê nhà	4.866.286.429	4.481.579.395
Chi phí phát triển đại lý	222.464.578	352.618.057
Chi phí trang bị công nghệ thông tin	1.516.612.812	2.247.794.224
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.988.823.166	1.358.872.133
Các khoản chi phí khác	6.853.957.810	10.354.596.130
Cộng	<u>18.313.377.622</u>	<u>22.216.392.596</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	2.194.224.327	205.786.205
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	24.397.482	187.103.022
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1.819.780.703	749.858.395
Thuế khác	130.799.019	287.755.553
Cộng	<u>4.169.201.531</u>	<u>1.430.503.175</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.500.386.730	23.104.355.581	85.066.110.142	21.001.345.073	144.672.197.526
Mua sắm trong kỳ		208.686.364	2.145.883.182	1.074.285.658	3.428.855.204
XDCB hoàn thành		763.571.789			763.571.789
Thanh lý, nhượng bán			(394.496.809)		(394.496.809)
Phân loại		(318.114.286)	318.114.286		
Số cuối kỳ	<u>15.500.386.730</u>	<u>23.758.499.448</u>	<u>87.135.610.801</u>	<u>22.075.630.731</u>	<u>148.470.127.710</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.245.637.383	16.667.745.618	10.719.497.016	32.632.880.017
Chờ thanh lý				

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.017.584.568	13.073.859.357	45.306.264.443	14.670.359.549	75.068.067.917
Khấu hao trong kỳ	213.630.492	1.458.536.796	2.982.614.723	1.401.565.435	6.056.347.446
Thanh lý, nhượng bán			(394.496.809)		(394.496.809)
Phân loại		(318.114.285)	318.114.285		
Số cuối kỳ	2.231.215.060	14.214.281.868	48.212.496.641	16.071.924.984	80.729.918.554
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.482.802.162	10.030.496.224	39.759.845.700	6.330.985.524	69.604.129.609
Số cuối kỳ	13.269.171.670	9.544.217.580	38.923.114.160	6.003.705.747	67.740.209.156

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.096.806.800	6.018.728.567	11.115.535.367
Mua sắm trong kỳ		629.630.000	629.630.000
Số cuối kỳ	5.096.806.800	6.648.358.567	11.745.165.367
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		3.711.773.011	3.711.773.011
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		4.784.595.934	4.784.595.934
Khấu hao trong kỳ		374.926.566	374.926.566
Số cuối kỳ		5.159.522.500	5.159.522.500
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.096.806.800	1.234.132.633	6.330.939.433
Số cuối kỳ	5.096.806.800	1.488.836.067	6.585.642.867

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.994.763.527	105.844.160.210	112.838.923.737
Tăng do XDCB hoàn thành		7.081.348.806	7.081.348.806
Giảm trong kỳ		(4.733.342.019)	(4.733.342.019)
Số cuối kỳ	6.994.763.527	108.192.166.997	115.186.930.524

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		2.324.506.755	2.324.506.755
Khấu hao trong kỳ		1.429.417.707	1.429.417.707
Giảm trong kỳ		(19.722.259)	(19.722.259)
Số cuối kỳ		3.734.202.203	3.734.202.203
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.994.763.527	103.519.653.455	110.514.416.982
Số cuối kỳ	6.994.763.527	104.457.964.794	111.452.728.321

Theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất tại Bình Dương (nắm giữ chờ tăng giá)	6.994.763.527		6.994.763.527
Bất động sản cho thuê sản thương mại tại Cao ốc căn hộ Thủy Lợi 4	85.050.699.262	3.175.232.235	81.875.467.027
FLC Quy Nhơn	20.793.460.948	519.836.520	20.273.624.428
Chung cư Fhome	2.348.006.787	39.133.448	2.308.873.339
Cộng	115.186.930.524	3.734.202.203	111.452.728.321

Thu nhập và chi phí từ việc cho thuê bất động sản trong kỳ lần lượt là 1.286.476.800 VND và 1.525.715.448 VND.

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng tài sản trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
XDCB dở dang	53.063.016.782	3.769.491.270	(7.844.920.595)	(22.907.626.593)	26.079.960.864
Sàn Fhome	7.946.766.982		(7.081.348.806)	(865.418.176)	
Dự án Xuân Phương	36.038.045.085			(21.904.372.195)	14.133.672.890
Công trình khác	9.078.204.715	3.769.491.270	(763.571.789)	(137.836.222)	11.946.287.974
Sửa chữa lớn TSCĐ	47.457.273				47.457.273
Cộng	53.110.474.055	3.769.491.270	(7.844.920.595)	(22.907.626.593)	26.127.418.137

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	100.708.842.785	109.378.951.656
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	191.393.824.048	91.218.040.241
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	6.939.474.906	9.328.070.229
Phải trả cho nhà cung cấp khác	26.427.690.331	30.785.814.212
Cộng	325.469.832.070	240.710.876.338

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	29.197.998.850	25.596.262.651
Người mua trả tiền trước hoạt động khác	507.387.133	210.197.195
Cộng	29.705.385.983	25.806.459.846

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.308.633.616	17.856.857.682
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.872.569.504	665.837.510
Thuế thu nhập cá nhân	3.566.155.267	7.230.997.333
Các loại thuế khác	163.205.614	315.724.264
Cộng	19.910.564.001	26.069.416.789

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là phí bảo hiểm gốc nhận trước cho các kỳ sau.

18. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	94.850.311.274	109.233.960.118
Số phát sinh trong kỳ	126.517.229.219	110.279.859.421
Hoa hồng nhượng tái ghi nhận trong kỳ	(118.334.046.958)	(111.390.463.793)
Số cuối kỳ	103.033.493.535	108.123.355.746

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.485.156.680	2.120.938.965
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	577.787.655	675.408.984
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	39.596.199.263	11.358.896.915
Thuế nhà thầu tạm giữ	2.626.354.968	2.421.497.458
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	8.879.613.186	5.292.172.177
VNPost chuyển phí bảo hiểm chưa đối chiếu	12.499.703.926	13.416.281.519
Quỹ khen thưởng khách hàng	2.454.669.995	2.209.067.927

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.700.000.000	
Phải trả phải nộp khác	28.809.305.579	33.037.512.305
Cộng	<u>103.628.791.252</u>	<u>70.531.776.250</u>

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	149.628.765.391	70.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long^(*)</i>	<i>149.628.765.391</i>	<i>70.000.000.000</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	9.148.974.406	1.702.889.871
<i>Vay Margin chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect</i>	<i>1.285.355.769</i>	
<i>Vay Margin chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn</i>	<i>6.196.255.281</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.667.363.356	1.702.889.871
Cộng	<u>158.777.739.797</u>	<u>71.702.889.871</u>

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất 4,7%/năm đối với khoản vay phát sinh năm 2016 và lãi suất 5%/năm đối với khoản vay phát sinh trong năm 2017, thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố các khoản tiền gửi mở tại 04 tổ chức tín dụng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	70.000.000.000	296.540.008.646		(216.911.243.255)	149.628.765.391
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long</i>	<i>70.000.000.000</i>	<i>276.540.008.646</i>		<i>(196.911.243.255)</i>	<i>149.628.765.391</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân</i>		<i>20.000.000.000</i>		<i>(20.000.000.000)</i>	
Vay ngắn hạn các tổ chức khác		77.722.611.884		(70.241.000.834)	7.481.611.050
<i>Vay Margin chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect</i>		<i>32.771.002.008</i>		<i>(31.485.646.239)</i>	<i>1.285.355.769</i>
<i>Vay Margin chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn</i>		<i>44.951.609.876</i>		<i>(38.755.354.595)</i>	<i>6.196.255.281</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	1.702.889.871		916.140.067	(951.666.582)	1.667.363.356
Cộng	<u>71.702.889.871</u>	<u>374.262.620.530</u>	<u>916.140.067</u>	<u>(288.103.910.671)</u>	<u>158.777.739.797</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Dự phòng nghiệp vụ	Kỳ này			Kỳ trước		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần (3) = (1) - (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (4)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (5)	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần (6) = (4) - (5)
21a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng						
1. Dự phòng bồi thường	772.900.282.774	260.782.541.618	512.117.741.156	684.527.023.890	214.357.823.210	470.169.200.680
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	741.508.573.065	260.782.541.618	480.726.031.447	655.413.358.312	214.357.823.210	441.055.535.102
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	31.391.709.709		31.391.709.709	29.113.665.578		29.113.665.578
2. Dự phòng phí chưa được hưởng Cộng	1.603.258.860.731	399.491.972.047	1.203.766.888.684	1.444.949.372.604	315.098.170.746	1.129.851.201.858
	2.376.159.143.505	660.274.513.665	1.715.884.629.840	2.129.476.396.494	529.455.993.956	1.600.020.402.538
Trong đó chi tiết:						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	778.982.126.930	216.928.788.503	562.053.338.427	582.996.936.818	215.179.144.936	367.817.791.882
Số trích lập trong kỳ		43.853.753.115	(43.853.753.115)	101.530.087.072	(821.321.726)	101.530.087.072
Số hoàn nhập trong kỳ	6.081.844.156		6.081.844.156			821.321.726
Số dư cuối kỳ	772.900.282.774	260.782.541.618	512.117.741.156	684.527.023.890	214.357.823.210	470.169.200.680
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	1.585.666.973.133	331.811.783.188	1.253.855.189.945	1.264.462.864.552	298.110.560.168	966.352.304.384
Số trích lập trong kỳ	17.591.887.598	67.680.188.859	(50.088.301.261)	180.486.508.052	16.987.610.578	163.498.897.474
Số hoàn nhập trong kỳ						
Số dư cuối kỳ	1.603.258.860.731	399.491.972.047	1.203.766.888.684	1.444.949.372.604	315.098.170.746	1.129.851.201.858

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21b. Dự phòng dao động lớn

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	46.632.930.447	71.197.252.990
Số trích lập thêm trong kỳ	10.765.406.356	11.764.365.790
Số dư cuối kỳ	<u>57.398.336.803</u>	<u>82.961.618.780</u>

21c. Tài sản tái bảo hiểm

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>260.782.541.618</i>	<i>216.928.788.503</i>
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	260.782.541.618	216.928.788.503
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo		
<i>Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>399.491.972.047</i>	<i>331.811.783.188</i>
Cộng	<u>660.274.513.665</u>	<u>548.740.571.691</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Kỳ trước							
Số dư đầu năm	803.957.090.000	827.943.052.804	18.168.277.954	36.312.733.442	156.055.922.056	943.766.935	1.843.380.843.191
Lợi nhuận kỳ trước					75.207.843.777	47.462.814	75.255.306.591
Trích lập các quỹ kỳ trước			1.605.166.881		(1.735.166.881)		(130.000.000)
Chia cổ tức kỳ trước					(96.522.600.800)		(96.522.600.800)
Thù lao và thưởng HĐQT					(5.488.584.082)		(5.488.584.082)
Tặng khác do hợp nhất					135.218.887		135.218.887
Số dư cuối kỳ trước	803.957.090.000	827.943.052.804	19.773.444.835	36.312.733.442	127.652.632.957	991.229.749	1.816.630.183.787
Kỳ này							
Số dư đầu năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	19.773.444.835	41.540.743.782	154.994.146.755	1.048.708.158	1.849.257.186.334
Lợi nhuận trong kỳ					51.964.085.442	38.693.780	52.002.779.222
Trích lập các quỹ trong kỳ			1.285.602.068		(1.285.602.068)		
Chia cổ tức trong kỳ					(96.474.850.800)		(96.474.850.800)
Trích quỹ Khen thưởng khách hàng					(1.045.602.068)		(1.045.602.068)
Trích thù lao HĐQT, BKS					(1.045.602.068)		(1.045.602.068)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo					(1.568.403.102)		(1.568.403.102)
Giảm khác do hợp nhất					(556.018.548)	(24.164.141)	(580.182.689)
Số dư cuối kỳ	803.957.090.000	827.943.052.804	21.059.046.903	41.540.743.782	104.982.153.543	1.063.237.797	1.800.545.324.829

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	803.957.090.000	803.957.090.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	182.256.480.000	182.256.480.000
Vốn góp của các cổ đông khác	621.700.610.000	621.700.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	827.943.052.804	827.943.052.804
Cộng	1.631.900.142.804	1.631.900.142.804

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.395.709	80.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 33/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho cổ đông	: 96.474.850.800
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.045.602.068
• Trích quỹ Khen thưởng khách hàng	: 1.045.602.068
• Trích thù lao HĐQT và BKS	: 1.045.602.068
• Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo	: 1.568.403.102

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu phí bảo hiểm

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí Bảo hiểm gốc	1.519.060.123.638	1.483.367.880.074
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	288.846.536.292	210.124.086.136
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	150.237.081.859	129.639.030.399
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	49.316.858.977	49.670.374.734
Bảo hiểm xe cơ giới	919.769.934.816	948.763.101.916
Bảo hiểm cháy, nổ	58.337.833.595	59.083.816.455
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	39.296.729.401	46.773.880.740
Bảo hiểm trách nhiệm chung	13.255.148.698	39.313.589.694
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(22.896.911.495)	(12.870.411.829)
Phí nhận tái bảo hiểm	56.632.648.482	47.256.665.545
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	18.643.680.888	238.663.473
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	24.974.068.096	35.955.177.569
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	3.864.849.814	1.566.304.971
Bảo hiểm hàng không	29.380.837	34.304.927

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	707.771.420	515.363.793
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	2.965.710.515	2.406.230.715
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu</i>	3.634.543.278	3.383.330.323
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	1.812.643.634	3.157.289.774
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(2.211.119.862)	(2.703.546.927)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(17.591.887.598)	(180.486.508.052)
Doanh thu phí bảo hiểm	1.532.992.853.165	1.334.564.078.811
2. Phí nhượng tái bảo hiểm		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí nhượng tái bảo hiểm	474.044.105.162	338.614.007.816
<i>Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người</i>	31.145.943.150	48.666.508.926
<i>Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại</i>	179.406.957.827	121.035.678.240
<i>Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển</i>	23.232.352.115	23.092.912.856
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	71.325.736.954	80.374.014.565
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	50.569.564.890	29.522.419.892
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu</i>	26.260.923.504	32.365.528.031
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	92.102.626.722	3.556.945.306
Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(67.680.188.859)	(16.987.610.578)
Phí nhượng tái bảo hiểm	406.363.916.303	321.626.397.238
3. Hoa hồng nhượng tái		
Xem thuyết minh số V18.		
4. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	46.857.323.468	36.150.338.568
Doanh thu cung cấp thiết bị viễn thông và công trình inbuilding	8.516.535.533	10.772.509.149
Cộng	55.373.859.001	46.922.847.717
5. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cho thuê bất động sản đầu tư	1.286.476.800	1.425.981.600
Bán bất động sản đầu tư	8.276.822.145	
Cộng	9.563.298.945	1.425.981.600

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tổng chi bồi thường bảo hiểm

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng chi bồi thường	833.554.332.840	516.300.769.193
<i>Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người</i>	<i>120.389.078.585</i>	<i>89.712.408.707</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại</i>	<i>81.417.400.543</i>	<i>32.992.036.951</i>
<i>Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển</i>	<i>38.287.972.068</i>	<i>15.861.472.300</i>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>564.923</i>	<i>4.573.067</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>521.109.970.218</i>	<i>359.947.165.612</i>
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	<i>14.505.445.582</i>	<i>4.295.142.222</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu</i>	<i>13.045.744.900</i>	<i>10.270.883.449</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>44.798.156.021</i>	<i>3.217.086.885</i>
Các khoản giảm trừ	(5.051.523.656)	(2.842.702.267)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(168.811.079.466)	(105.385.987.180)
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(6.081.844.157)	101.530.087.072
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(43.853.753.114)	821.321.726
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	609.756.132.447	510.423.488.544

7. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi hoa hồng bảo hiểm	134.147.263.029	119.484.930.502
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	74.715.728.448	64.564.089.847
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	6.687.432.530	6.377.319.672
Chi các quỹ bảo hiểm	4.827.734.997	10.929.108.617
Chi phí khác	191.408.923.846	168.759.993.627
Cộng	411.787.082.850	370.115.442.265

8. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xăng dầu đã bán	44.608.646.079	33.676.953.401
Giá vốn thiết bị viễn thông và công trình inbuilding đã cung cấp	4.659.861.110	8.066.142.820
Cộng	49.268.507.189	41.743.096.221

9. Giá vốn bất động sản đầu tư

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cho thuê bất động sản đầu tư	1.525.715.448	840.411.801
Bán bất động sản đầu tư	4.852.183.047	
Cộng	6.377.898.495	840.411.801

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	55.592.450.969	77.932.473.372
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	187.589.387	187.240.414
Lãi ủy thác đầu tư		4.622.414.551
Lãi kinh doanh chứng khoán	50.633.330.070	27.625.474.313
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.532.517.209	1.209.573.720
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.158.430.321	823.875.010
Lãi mua bán trái phiếu	3.878.000.000	2.383.472.222
Thanh lý khoản đầu tư khác	2.400.000.000	
Lãi hợp tác kinh doanh	452.000.000	
Các khoản khác	1.215.000	29.396.791
Cộng	119.835.532.956	114.813.920.393

11. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	2.454.814.052	43.147.281
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.048.257.830	551.618.166
Lỗ kinh doanh chứng khoán	3.846.562.194	4.477.660.667
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	30.490.842.532	2.564.939.687
Chi phí tư vấn bán trái phiếu	440.000.000	
Chi phí khác	13.240.211.877	18.498.451.300
Cộng	51.520.688.485	26.135.817.101

12. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	174.086.464.463	132.667.082.598
Chi phí nguyên liệu vật liệu	8.433.282.131	6.745.136.629
Chi phí dụng cụ quản lý	5.901.721.466	6.394.766.947
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.977.426.878	4.358.020.360
Thuế phí và lệ phí	5.625.314.354	4.272.985.769
Chi phí dự phòng	3.345.872.782	6.977.479.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.964.256.804	32.410.760.172
Chi phí khác bằng tiền	36.850.921.768	40.096.023.295
Cộng	275.185.260.646	233.922.255.445

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.964.085.442	75.207.870.813
Trích quỹ Khen thưởng khách hàng	(462.150.284)	(731.372.162)
Trích thù lao HĐQT, BKS	(462.150.284)	(731.372.162)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo	(693.225.426)	(1.097.058.243)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	50.346.559.448	72.648.068.246
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	80.395.709	80.395.709
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	626	904

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	80.395.709	80.395.709
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	80.395.709	80.395.709

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ Khen thưởng khách hàng, trích thù lao HĐQT, BKS, trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 935 VND xuống còn 904 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban điều hành	4.025.700.000	3.330.261.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	986.331.053	144.000.000
Cộng	5.012.031.053	3.474.261.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử

Mối quan hệ

Cổ đông sáng lập
Cổ đông sáng lập
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bảo hiểm: cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Lĩnh vực khác: kinh doanh sản phẩm thuộc lĩnh vực xăng dầu, cho thuê bất động sản đầu tư, kinh doanh thiết bị viễn thông và công trình inbuilding.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực kinh		
	doanh bảo hiểm	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.286.627.117.079	64.937.157.946	1.351.564.275.025
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần	1.286.627.117.079	64.937.157.946	1.351.564.275.025
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	51.980.239.121	4.729.121.240	56.709.360.361
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			56.709.360.361
Doanh thu hoạt động tài chính			
Chi phí tài chính			(825.013.139)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết			5.431.431.328
Thu nhập khác			526.141.200
Chi phí khác			(591.391.664)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(9.412.751.492)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			165.002.628
Lợi nhuận sau thuế TNDN			52.002.779.222
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	14.402.941.792	5.344.228.543	19.747.170.335
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	21.812.632.499	1.524.802.539	23.337.435.038
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.124.469.281.015	48.348.829.317	1.172.818.110.332
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần	1.124.469.281.015	48.348.829.317	1.172.818.110.332
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	90.866.812.420	1.679.323.266	92.546.135.686
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			92.546.135.686
Doanh thu hoạt động tài chính			
Chi phí tài chính			(969.062.021)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết			1.906.897.816
Thu nhập khác			380.281.478
Chi phí khác			(572.622.237)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(18.312.133.666)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			275.809.535
Lợi nhuận sau thuế TNDN			75.255.306.591
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	126.792.342.307	2.630.663.944	129.423.006.251
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	19.708.256.483	2.028.284.052	21.736.540.535
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:			
	Lĩnh vực bảo hiểm	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.079.542.009.481	47.697.799.143	5.127.239.808.624
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
Tổng tài sản	5.079.542.009.481	47.697.799.143	5.127.239.808.624

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực bảo hiểm</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.295.415.312.998	31.279.170.797	3.326.694.483.795
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả	3.295.415.312.998	31.279.170.797	3.326.694.483.795
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.895.212.006.437	63.203.110.163	4.958.415.116.600
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			(17.229.335.590)
Tổng tài sản	4.895.212.006.437	63.203.110.163	4.941.185.781.010
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.057.165.880.311	37.255.023.296	3.094.420.903.607
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			(2.492.308.931)
Tổng nợ phải trả	3.057.165.880.311	37.255.023.296	3.091.928.594.676

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Lãnh đạo phê duyệt.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Lãnh đạo đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Lãnh đạo thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.798.641.648		92.798.641.648
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	167.749.345.263	19.715.609.326	187.464.954.589
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.586.997.465.222	41.016.581.686	2.628.014.046.908
Phải thu khách hàng	390.191.094.754	54.647.963.943	444.839.058.697
Các khoản phải thu khác	206.644.594.339	20.536.215.088	227.180.809.427
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	164.427.628.100	97.120.812.685	261.548.440.785
Cộng	3.608.808.769.326	233.037.182.728	3.841.845.952.054
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.133.874.904		77.133.874.904
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	132.927.089.115	12.014.061.518	144.941.150.633
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.657.353.347.222	33.386.024.360	2.690.739.371.582
Phải thu khách hàng	388.000.354.820	50.060.972.870	438.061.327.690
Các khoản phải thu khác	167.738.614.642	20.571.633.120	188.310.247.762
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	202.618.566.400	32.840.000.000	235.458.566.400
Cộng	3.625.771.847.103	148.872.691.868	3.774.644.538.971

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	325.469.832.070			325.469.832.070
Vay và nợ	158.777.739.797	5.037.119.874		163.814.859.671
Các khoản phải trả khác	94.919.464.353	3.570.456.136		98.489.920.489
Cộng	579.167.036.220	8.607.576.010		587.774.612.230

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Phải trả người bán	240.710.876.338			240.710.876.338
Vay và nợ	71.702.889.871	3.005.779.741		74.708.669.612
Các khoản phải trả khác	68.036.810.737	1.030.456.136		69.067.266.873
Cộng	380.450.576.946	4.036.235.877		384.486.812.823

Ban Lãnh đạo cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Lãnh đạo đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản ủy thác cho vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm ủy thác cho vay và kỳ hạn thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản tương đương tiền	25.000.000	1.115.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.628.014.046.908	2.690.739.371.582
Vay và nợ	(163.814.859.671)	(74.708.669.612)
Cộng	2.464.224.187.237	2.617.145.701.970

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 39.427.586.996 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 39.513.818.670 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất kỳ này tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước do sự tăng lên/giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Tập đoàn đang đầu tư tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 2.999.439.273 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 1.258.914.727 VND) do giảm/tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của giá chứng khoán kỳ này không có biến động lớn so với cùng kỳ năm trước.

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.798.641.648		77.133.874.904	
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	187.464.954.589	(1.104.629.326)	144.941.150.633	(263.490.518)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.628.014.046.908	(27.891.306.464)	2.690.739.371.582	(23.891.306.464)
Phải thu khách hàng	444.839.058.697	(43.366.161.660)	438.061.327.690	(40.055.706.911)
Các khoản phải thu khác	227.180.809.427	(20.536.215.088)	188.310.247.762	(20.571.633.120)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	261.548.440.785	(30.144.908.278)	235.458.566.400	(4.495.204.554)
Cộng	3.841.845.952.054	(123.043.220.816)	3.774.644.538.971	(89.277.341.567)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	325.469.832.070	240.710.876.338
Vay và nợ	163.814.859.671	74.708.669.612
Các khoản phải trả khác	98.489.920.489	69.067.266.873
Cộng	587.774.612.230	384.486.812.823

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ này	Kỳ trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	80,05	81,82
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	19,95	18,18
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	64,88	60,50
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	35,12	39,50
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,54	1,65
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,22	1,35
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,03	0,06
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	114,75	552,89
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4,56	8,30
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,87	6,69
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,19	2,03
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,01	1,64
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	2,89	4,14

6. Rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu đầu tiên của Tập đoàn trong việc quản lý vốn là luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tập đoàn nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các nghiệp vụ của Tập đoàn và yêu cầu Tập đoàn phải giữ nguồn vốn vừa đủ để xử lý nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tập đoàn được quy định trong Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục đính kèm (trang 56 – 57) nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tập đoàn. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh toán phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2017

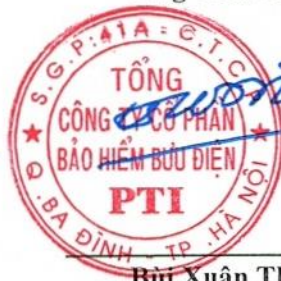
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Từ 01/7/2016 đến 30/6/2017	Từ 01/7/2015 đến 30/6/2016
I. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	1.800.545.324.829	1.816.630.183.787
1. Tổng Tài sản doanh nghiệp	5.127.239.808.624	4.599.133.333.817
2. Nợ phải trả	3.326.694.483.795	2.782.503.150.030
II. Giá trị tài sản bị loại trừ	361.372.015.187	313.153.036.565
I. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	83.822.893.569	92.098.710.686
1.1 Các khoản góp vốn để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp Bảo hiểm	25.975.783.377	24.830.807.258
1.2 Tài sản tương ứng với quỹ khen thưởng phúc lợi	-	123.674.365
1.3 Các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng	-	-
1.4 Tài sản cố định vô hình (trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất)	-	-
1.5 Chi phí trả trước, cho vay không có bảo lãnh, các khoản tạm ứng, trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	55.332.412.756	51.388.977.497
1.6 Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn trên 2 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật	2.514.697.436	1.493.750.661
1.7 Các khoản cho vay, đầu tư trở lại cho các cổ đông hoặc người có liên quan quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp là các khoản tiền gửi ngân hàng	-	14.261.500.905
2. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	277.549.121.618	221.054.325.880
2.1 Các Tài sản đầu tư	98.689.535.192	79.589.385.909
a) Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh: loại trừ 1% giá trị hạch toán;	500.000.000	500.000.000
b) Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh: loại trừ 3% giá trị hạch toán;	3.900.000.000	3.000.000.000
c) Cổ phiếu được niêm yết: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	44.863.317.281	9.663.100.431
d) Cổ phiếu không được niêm yết: loại trừ 20% giá trị hạch toán;	11.650.682.700	32.995.337.280
d) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng: loại trừ 8% giá trị hạch toán;	967.325.626	735.652.282
e) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản để cho thuê, các khoản cho vay thương mại có bảo lãnh: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	15.668.694.719	12.394.232.322
g) Vốn góp vào các doanh nghiệp khác trừ doanh nghiệp bảo hiểm: loại trừ 20% giá trị hạch toán.	21.139.514.865	20.301.063.594
2.2 Các khoản phải thu	3.474.738.478	4.305.187.644
a) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 180 ngày đến dưới 01 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 30%	1.363.220.918	1.242.602.527

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHỤ LỤC

BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Từ 01/7/2016 đến 30/6/2017	Từ 01/7/2015 đến 30/6/2016
b) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 50%	2.111.517.561	3.062.585.118
2.3 Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và hàng tồn kho: loại trừ 25% giá trị hạch toán	19.567.120.343	18.323.673.898
2.4 Tài sản khác: loại trừ 15% giá trị hạch toán	155.817.727.605	118.836.078.429
III. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp (I-II)	1.439.173.309.642	1.503.477.147.221
IV. Biên khả năng thanh toán tối thiểu		
25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	610.917.950.562	574.441.912.812
So sánh Biên khả năng thanh toán và Biên khả năng thanh toán tối thiểu (III và IV)		
Chênh lệch theo số tuyệt đối	828.255.359.079	929.035.234.409
Chênh lệch theo tỷ lệ %	236%	262%

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

